

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 12

Vọng tướng cầu nhiễm, khổ não buộc che cùng tận như cỡi không. Đó là tùy thuận thấu đạt theo nhân Bồ-tát.

Thế nào là hình tướng các bậc Thanh văn, Duyên giác còn mong đạt, nên gọi là “động chuyển”?

Tột bậc Đại thừa (là) an định, vô động. Niết-bàn hiện bày: thanh tịnh, tịch mặc. Tánh thiện không nhiễm, viên mãn tuyệt đối. Lực dụng đạt được (là) nhân diệu “vô tác”. Tâm cảnh hòa hợp, uyển chuyển vô biên. Gốc trí tuệ sinh lực dụng bao la.

Phật tánh hiện bày, hằng dứt (cõi) vô gián. Phạm tánh đã dứt. Hành, giải thiện diệu, rõ nghĩa dứt sợ. Thân giữ mọi môi, văn nghĩa bao la. Nhân Thánh tận cùng, dứt mọi hý luận. Giữ gìn nghĩa lợi như Sư tử vương. Thanh tịnh vô cầu đạt phước người, trời. Thắng nghĩa chân thật mênh mông, hòa thuận. Rực rỡ, bất thoái, chế ngự, dứt bỏ (phiền não, hý luận). Thượng diệu, thanh tịnh viên mãn đáng yêu; dung mạo (được) Đế Thích cung kính, tôn sùng.

Thế nào là hành động phát sinh, chuyển biến?

Thanh tịnh, xa lìa như mây phủ che. Dung mạo tịch tĩnh, vô cầu tăng trưởng. Chân lý hợp ý, gốc của tự tại. Tự tánh rốt ráo, lực dụng trượng phu. Đất nước yên lành, dứt mười hạnh ác. Sắc tướng quý giá, tạo tác thắng dụng. Như Tứ thần túc tột bậc. Tự tánh thông tỏ đường nuôi chân thật.

Nơi chốn tham dục, tâm Bi yêu giúp. Thân tâm thông suốt, dứt trừ vọng tướng. Hành tướng trói buộc, lưu chuyển không dừng. Trí tuệ thể tánh, chi phần thù thắng. Tất cả bệnh nạn, nhận rõ thật hư. Xứ sở điều hòa, tận cùng nguồn ngọn. Năng lực đốc tu (đạt) diệu dụng tịch tĩnh. Dòng thác pháp nhiễm, Thánh trí năng trừ. Quả vị bất lai, các cõi hết nhân: Trói buộc nhiễm tánh, lực dụng tĩnh lặng. Chế ngự hý luận (cùng) gốc rễ điên đảo. Nhân thức duyên sắc, ý thức và thức (thứ) tám. Ba thức cùng thời đều có duyên dụng (với sắc: cảnh). Tự tánh thanh tịnh (là) nhân của dẫn dắt. Nhận rõ tộc họ, cung kính cúng dường. Là chốn đốc tu hợp phần rộng khắp. Tạo nhân đủ lực (diệt) chướng, nhiễm, điên đảo. Tạo nhân tịnh diệu, hóa độ trọn đủ. Công hạnh bố thí, mong đạt Đại thừa. Đứng bậc trượng phu: hành động cùng tận. Lực dụng phát khởi, thấu đạt thanh tịnh. Nơi chốn thanh tịnh, hạnh thí viên mãn. Cứu cánh độ sinh (là) cứu giúp hòa hợp. Xa lìa các tướng, cõi tánh thêm tăng. Hướng tới hoan lạc, hành động (dễ rơi vào) điên đảo. Hình tướng tận cùng (là) mẹ hiền yêu dưỡng (con). Bồ thí gồm đủ danh, tướng các loại. Chế ngự, đốc tu, rõ nghĩa bất thoái. Hành thí bình đẳng, thuận hợp thêm tăng. Là chốn Bồ-tát hướng cầu chân thật. Bi nguyện tu tập. Kinh, giáo thành tựu. Nhân tướng thù thắng (là) bồ thí bình đẳng. Thông tỏ phép tắc, tự tại tịch tĩnh. Độc hại hiện bày, si độn đều đủ. Thắng nghĩa tột bậc (là) thực hiện thanh tịnh. Hành, giải bất thoái, (nhận) rõ gốc tai họa. Thông tỏ, chế ngự các thứ nhiễm, vọng. Nhân không (theo đúng) mẫu mực, (cũng như) thành ấp (bị) hủy hoại. Cõi xa khó tới, tâm linh (cũng) như vậy. Sinh loại cõi người, điên đảo si độn. Các mạn (cùng với) mười pháp hòa hợp sinh khởi. Thể chân thật ấy, hý luận tạo nhiễm. Tự tánh chấp ngã, tâm dấy hý luận. Khắp chốn tạo nhân, kế hợp tận cùng. Thông tỏ cùng tận, hướng đạt tinh diệu. Bụi bặm

trối buộc, Phật đạo trừ diệt. Nơi chốn an tĩnh, dưỡng nuôi thành thật. Tự tánh thấu đạt, ngôn ngữ phát sinh. Hữu tình ái dục, chi phần ô nhiễm. Điền đảo si mạn chấp ngã đều có. Cõi ý thuận hợp, thanh tịnh hiện hành. Hướng cầu hý luận, dòng thác thêm mạnh. Nghiệp dữ, cấu uế, nơi chốn không bày. Năng lìa nhiễm buộc, hình tướng tĩnh lặng. Ý pháp khế hợp, tạo tác giảm, tăng. Hóa độ đúng thực (là) thanh tịnh thuận hợp. Cõi quý hiện bày cũng không tồn tại. Khổ não, lầm lỗi, (do) tự buộc không mở. Thắng nghĩa bình đẳng, không nhân sao đạt. Thấu suốt tận cùng mọi nẻo dục lạc. Là chốn mọi người siêng tu Thánh đạo. Thấu rõ hành tướng trối buộc dấy thêm. Gánh vác việc lớn, hướng đạt nhân thắng. Cứu cánh viên mãn (là) thắng nghĩa phát sinh. Hành thí bình đẳng, lực dụng thông tỏ. Hóa độ quần mê dẫn về nẻo thật. Các pháp bị nhiễm gốc từ ngã mạn. Tham ái dục lạc quấy động tự tại. Bạc thầy mẫu mực chỉ dạy rõ lời. Hình tướng thanh tịnh vô biên như vậy. Tạo tác ở đây (thanh tịnh) nhân (của) mọi hành nghiệp. Hóa độ chúng sinh dứt mọi hoạn nạn. Điền đảo hý luận, hữu tình chế ngự. Tự tại ít dục nhận rõ tánh nhiễm. Xa lìa ái buộc (đạt) bình đẳng chân thật. Thánh quả tối thắng (là) nghiêm tịnh hiện hành. Nguồn ngọn hòa hợp, tạp nhiễm đều sạch. Diệu dụng tự tánh, nghịch cảnh thành thuận. Là xứ Bồ-tát cõi tánh thanh tịnh. Giảng giải phát khởi tận cùng khắp chốn. Tâm không sắc tướng thông tỏ tội bậc. Nhân thắng thành tựu, tín ngưỡng nên gắn (bó). Tự tánh tri kiến sinh khởi tận cùng. Hình tướng bình đẳng (là) hành động thuận hợp. “Vô úy” gồm đủ (là) đức hạnh (của) chúng sinh. Nơi chốn vững tu, thuận theo chân thật. Cội rễ thanh tịnh, tĩnh lặng, “bất sinh”. Tự tại (trong) biến chuyển, thậm thâm khó đạt. Hữu tình hành giải đầy đủ gốc tịch (tĩnh của mình). Trí tuệ chứng đạt tịnh diệu thuần khiết. Tận cùng bố thí (nhằm đạt) sắc tướng ít dục. Chi phần tạo nghiệp, hợp nhất bất thoái. Thuận theo hành, giải, bố thí ban vui. Bố thí khắp chốn, đức hạnh trọn đủ. Điều phục nhân hành mong đạt cứu cánh. Lìa bỏ độn, buộc phải có bạn lành. Lực dụng tạo tác (lấy) chi phần làm gốc. Hý luận dấy khởi, trối buộc tự tại. Chính nơi hý luận, tu thí dứt nhiễm. Cõi ý chân thật, chân lý mới hiện. Buông theo dòng thác, điền đảo trùm khắp. Chế ngự tâm hành, thầy để tu tập. Tỳ-nại-da pháp, Trì, Phạm đầy đủ. Thông tỏ tịch tĩnh, nhân gốc mọi pháp. Bồ-tát mong đạt ái lạc hợp ý. Chi phần năm loại (bố thí) phước báo ứng hợp. Nơi chốn khế hợp phát sinh thấu đạt. Chấp ngã dấy tranh (cãi), phóng túng sinh mạng. Bạc đại hữu tình tự tại, điều phục. Tịch tĩnh “vô sinh”, điều phục mong đạt. Trí thanh tịnh rõ: Bỉ thử không thật. Chỉ dạy thanh tịnh chân thật, thậm diệu. Diễn bày, chỉ bảo tịch tĩnh cùng tận. Thân, ngữ, ý hành theo mười nẻo nghiệp. Tịch tĩnh phát sinh. Thầy đều mong đạt nhân hành bình đẳng, Ngọn nguồn thấu đạt, công dụng rạng rỡ. Như Sư tử vương yên định. Thân phần viên mãn, phép tắc thanh tịnh. Từ gốc thành thật (đạt) thù thắng vô tận. Giáo pháp thanh tịnh, điều phục chín loài. Làng xóm, xứ sở, nơi nơi (đều) áp dụng. Tạo nhân rộng lớn, (đạt) cơm áo sung túc. Nhân thắng tịnh diệu, tánh giác viên mãn. Chế ngự hiện hành, thù thắng phát sinh. Thông tỏ cõi tánh, lìa bỏ hý luận. Diệu lực của Phật: Quả báo bình đẳng. Ái lạc thù diệu (là) tịch tĩnh vô tranh. Tạo nghiệp thuần hậu (đạt) an lành thù thắng. Thân (khẩu, ý) cùng mười hạnh (là những) phương tiện khéo léo (để thực hành). Từ thuận hợp ấy, bố thí mong cầu tu tập rộng khắp. Căn bản thiện diệu (đạt) thậm diệu tối thượng. Thù diệu tận cùng, không ngoài cõi trời. Ngọc quý như ý. Hướng tới tịch tĩnh. Lìa chốn huyên náo, trối buộc, gốc rễ (của) dòng thác phiền não. Là xứ quốc vương nhận thức rõ ràng. An trụ tĩnh lặng, yêu mến muôn loài. Sửa trị cõi bờ, an lạc không dứt. Vật quý đáng yêu, chính là dạy (điều) thiện. Chế ngự bỉ ngã, thọ nhận từ thầy. Tự tánh bình đẳng (thể hiện) khắp mọi nơi chốn. Tiến tu thành thật, tạo nhân thù thắng. Hành động tự tại, phép tắc từ (nơi) ta. Tĩnh trụ vô tranh, dứt nhân dục lạc. Tâm như họa sĩ, tạo tác không cùng. Nhận thức thấu đạt rốt

ráo (đều) nương tâm. Pháp diệu Thập thiện, chúng sinh (phải) tìm học. Quốc vương thực hành đều khắp viên mãn. Tĩnh lặng dẫn dạy đêm ngày không dừng. Là chôn trượng phu dứt mọi tranh, độn. Lốp lốp kính tin dốc sức thấu đạt. Đồng nữ mong cầu (dứt) điên đảo khổ não. Niệm niệm tương tục, chúng sinh chuyển biến. Tạo tác dứt nhiễm, dòi dào lấm loại. Hành động si độn (do) tham ái không cùng. Hình tướng ngã mạn, phiền não nương nhau. Gốc của chấp ngã tương hợp thành trăm.

Thế nào là đức hạnh hợp phần tròn lặng?

Tùy thuận, dốc tu bờ giác hiện bày. Chi phần tạo tác, lực dụng tăng trưởng. Thuận theo nghĩa lợi, dục lạc càng nhiều. Thấu đạt nhân tịnh (đem lại) lợi ích thế gian. Lành thay tự tánh, bố thí là nhân. Cứu giúp chúng sinh dứt mọi đói khát. Thấu đạt tịch tĩnh, thông tỏ ngọn nguồn. Hành, giải viên mãn, dứt điên đảo, nhiễm. Như hình tướng tham, hướng mong dứt sạch. Đạt được hình tướng vô tánh bao la. Nương tựa bạn lành, cõi tánh rộng mở. Lìa bỏ tăng trưởng tranh nhiễm, tự tánh sáng tỏ. Hành ấy viên mãn, an lạc thuận theo. Chi phần thuận hợp, gốc của thế gian. Trí tuệ tịch tĩnh, nhận rõ trói buộc. Thắng nghĩa lớn lao, ghi nhớ tận cùng. Hành động phát sinh, như thể đánh địch. Trời, người tĩnh trụ, lực dụng tự tại, dẫn dạy thanh tịnh, gốc là điều phục. Trí tuệ thông tỏ, bố thí thuận hợp. Mong đạt hiện bày (là) hành mười loại thiện. Quốc vương khéo dạy: chúng sinh tham dục. Lễ bái Thánh hiền, an lạc tự tại. Hành mười loại thiện, (đạt) thâm diệu chân thật. Thuận theo nơi chôn, hình tướng thêm hại. Thân phần sung đủ, thắng hạnh viên mãn. Hạnh lành gắng tu, ngày đêm không quản. Nơi chôn trượng phu dứt hạnh ngã mạn. Phật đạo thù thắng, chân thật phát sinh. Điều phục các loài, ngọn nguồn viên mãn. Bình đẳng dứt tranh, thân tướng dũng lực. Đạt tánh Tam bảo tịch nhiên, an tĩnh. Nam tử kính tin, lễ bái phụng thờ. Vương giả tự tại, chúng dân mến mộ. Phật đạo phát sinh, dứt sạch kiêu, dật. Cung kính, tùy thuận, hướng đạt tịch tĩnh, là chôn trượng phu thù thắng phát khởi. Ở chôn tự tại, hành hạnh thế gian. Nương tựa Thập thiện, đạt trí chân thật. Tịnh diệu chư Thiên (là) an tĩnh thắng nghĩa. Trời người chuyển hợp, nẻo thiện định rõ. Nơi dòng thác ấy, kiêu mạn chẳng còn. Thân, ngữ, ý hành tu mười hạnh thiện. Lìa chướng, phiền não, dứt vọng tưởng, tranh (cùng) buộc, che. Tạo tác cội rễ tịch tĩnh. Nhân hành thanh tịnh (đạt) tịch tĩnh chân thật. Tự tánh (của bậc) hữu học hành thiện thế gian. Ngã chấp hý luận trói buộc hình tướng. Dốc tu tịch tĩnh, quả báo rõ thông, là lúc quốc vương hành mười nẻo thiện. Cõi nước yên tĩnh, dứt hết hý luận, phép tắc nghiêm túc, sửa trị chúng dân. Buộc che tận cùng, như mây mù khắp. Giới mốc càng tăng, dung mạo thêm rạng. Hình tướng quý giá ở nơi ta. Hạnh thí phát sinh. Thân (ngữ, ý) cũng mười loại dốc sức tu thí. Thông tỏ chân thật, thù thắng, thượng diệu. Dứt các mạn, nhiễm, phá trừ ngã chấp. Tham ái tận cùng (là) nhân duyên (của) hý luận. Tự tánh tạo tác, vô tranh mong bày. Si mạn trói buộc phát sinh vọng tưởng, là cõi Bồ-tát thấu lẽ bình đẳng. Thấu đạt tận cùng tộc loại chân thật. Dẫn dạy bình đẳng hợp phần viên mãn. Tu tập tịch tĩnh, trí tuệ tỏ ngộ. Giữ gìn thêm gắng, chế ngự các vọng. Tỏ ngộ chân lý đúng nẻo Đại thừa. Gốc tự tánh bày, ý pháp thuận hợp. Chúng sinh cõi người, lực dụng dẫn dắt. Thanh tịnh trùm khắp, rõ chôn thù thắng. Si độn ngã mạn gồm đủ từ gốc. Vương giả xuất chúng, diệu dụng vô biên. Nhân thật rõ ràng, tu thí rộng khắp. Cội rễ đúng phần, thông tỏ cùng tận. Tịch tĩnh thắng nghĩa. Lực nhân thiện diệu. Che buộc chẳng sinh, phiền não tự diệt.

Thế nào là hướng đạt bố thí hóa độ?

Là chôn quốc vương đất nước yên ổn. Dù sức gánh vác, chúng dân thuận phục. Trăm loài cùng sống, sinh khởi tự nhiên. Nơi chôn trượng phu tịch tĩnh an trụ. Tu chấp hạnh xan là chôn chẳng thật. Dòng thác thực kia gốc gồm mười loại. Cầu hạnh Bồ-đề đúng Đại

trượng phu. Trí tuệ thâm diệu, tỏ theo lời Phật. Si mạn đều lia, chân thật như vậy. (Xa lia tất cả) điên đảo nhiễm ô, nơi sinh phiền não. “Đồng nữ” bị buộc, khiến mẹ lo lắng. Dạy bảo nghiêm minh, chế ngự nghĩa lợi. Hiểu biết tăng thêm, thấu đạt viên mãn. Chấp ngã thêm dày, phiền não tăng nhân. Thân tâm xa lia mọi thứ điên đảo. Là chốn quốc vương pháp luật thượng tôn. Dung mạo năng lực trùm khắp như vậy. Phát sinh chân thật, thâm diệu, rớt ráo. Ngôn ngữ sâu xa, nghĩa lợi hợp ý. Xa lia nhân ác, dứt hết tham dục. Bồ thí ấy là thắng nghĩa bình đẳng. Tu tập thấu đạt, mong cầu thuận hợp. Chấp ngã cầu uest, tịch tĩnh chẳng sợ. Thuận theo cõi người, tranh biện thuận hợp. Ngã kiến như vậy (gồm cả) nhiễm tạp, tịch mặc. Bồ đề Tát-đoà, ngôn ngữ chế ngự. Bậc Thánh tu học (hoàn tất) chứng lý tịch diệt. Xa lia tạo nhân (xấu), hành động (theo) chân lý. Mong dứt nghiệp dữ, dứt sạch tranh nhiễm. Ngôn ngữ dẫn dắt, nhân nhiễm đều diệt. Thêm vô số nhân, dứt vô biên nhiễm. Yên vui nơi con, tâm nghi đều dứt.

Thế nào là tu tập tịch tĩnh chân thật?

Nhân ấy phát sinh, trừ tất cả mạn. Dứt trọn nhiễm, tranh. Tĩnh trụ thể hiện. Phương tiện phát khởi, phải cần đủ nhân. Nơi chốn yên lành, nên mong đến đó. Là xứ “ba loại”, khiến tâm dứt tranh (cãi). Tĩnh trụ, dứt hết biên kiến tổn giảm. Ngôn thuyết phát sinh nghiêm túc, khế hợp. Tự tánh tịnh diệu nương tựa Phật đạo. Trượng phu chỉ dạy ngọn nguồn mọi cõi. Chi phần gồm đủ, độc hại đều sạch. Lực dụng tự tại hành hóa vô biên, là chốn quốc vương độc tu cõi thắng. Sắc tướng nghiêm đẹp, lực dụng vững chắc. Tĩnh trụ tận cùng, pháp luật trùm khắp. Trong lặng thuận hợp, mẹ yêu là thể. Tạo tác sắc tướng, cung kính ngưỡng mộ. Hành giả thông tỏ, nơi chốn thù thắng. Thọ mạng ngắn dài theo nghiệp đã tạo. Giáo thừa nêu rõ mà vẫn chung đường. Là xứ Bồ-tát bi nguyện rộng lớn. Hóa độ muôn loài mười phần viên mãn. Thể sạch ngã mạn, đầy nhân bồ thí. Nơi chốn tĩnh lặng, lãnh hội ngôn thuyết. Hình tướng bao la, lời vua chỉ rõ. Cõi trời thượng diệu, độc hại thấy lia. Căn bản an trụ, hý luận chẳng còn. Nhân ấy chân thật, thắng nghĩa phát sinh. Nhân tánh tịch tĩnh, lực dụng dồi dào. Giáo pháp mẫu mực, tấn tu bất thoái. Đủ nhân tịnh diệu, dứt nghiệp khổ sở. Diệu lực tự tại, gồm đủ cõi người. Tham dục ngã mạn dẫn (tới) quả điên đảo. Thanh tịnh hiện bày, xứ ổn, an lạc. Luôn luôn nhớ nghĩ, phát sinh, tăng trưởng. Năng lực tự tại, cõi ý hài hòa. Tộc loại mong đạt nhân tịnh chỗ nương. Trí tuệ thanh tịnh, buộc, tranh dứt trọn. Là cõi quốc vương, pháp lệnh thuận hợp. Phép tắc mẫu mực cứu giúp muôn dân. Tu tập tối thượng viên mãn, hòa thuận. Thông tỏ thắng nghĩa, dứt các loại mạn. Tận diệt chấp ngã thấu lời Phật dạy. Lành thay! Lành thay! Phước đức rộng khắp. Thắng nghĩa thanh tịnh, gốc mọi tạo tác. Tùy thuận chúng sinh, đức hạnh độc tu. Tu tập nhân thắng, lực dụng hóa độ. Mong đạt thanh tịnh. Dứt tướng chấp ngã. Thấu rõ Thập thiện chân thật, tịch mặc. Hành hạnh bồ thí, đạt chân nghĩa lợi. Cõi nước tịch tĩnh, khắp chốn thuận hợp. Cõi vua rộng lớn, dẫn dắt khéo bày. Vương giả rõ là (bậc) trí tuệ chân thật. Nhân tịnh an trụ trước mọi chuyển, hoại. Ý thức thanh tịnh hòa hợp, giải thoát. Là cõi quốc vương chí tôn, chí kính. Dẫn dắt muôn loài, Thánh lực uy nghiêm. Sắc tướng chúng sinh không cùng một loại. Thắng nghĩa tăng trưởng mong đạt chân thật. Cội rễ trùm khắp như Sư tử vương. Hình thần đáng sợ. Vi diệu sâu xa, lia mọi lưu chuyển. Năm cõi, tự tánh, các pháp viên mãn. Các pháp cõi người, quả Phật đạt được. Tận cùng hý luận, thuận – lia tùy lúc. Căn bản tịch tĩnh, chỗ nương của lực dụng. Tu hạnh Bồ-tát, trí tuệ chân thật. Thắng nghĩa gồm đủ. Tâm vọng chẳng sinh. Xứ sở an tĩnh. Giáo hóa chúng sinh. Công hạnh bày biện. Thắng pháp vô biên, hướng cầu khế hợp. Phép tắc mẫu mực, Ba thừa nêu rõ. Như bậc đại vương, chân thật thuận hợp, chỉ dạy chân lý. Hướng đạt trí giải, “danh” không thể đạt. Tâm pháp vốn tịnh. Tuệ giải hòa hợp. Thanh

tịnh bất thoái. Cõi ý thông tỏ. Hành lễ Như như. Thắng nghĩa các pháp, gốc trí tuệ đạt. Căn bản đức hạnh, hành giải gồm đủ. Tâm hiện tinh thuần, đặc “vô sở ngại”. Nhân thắng hòa thuận, nghiệp dứt dứt trừ. Lực dụng tự tại, phát tâm tu tập. Hành nhân độc đáo, ái lạc phát khởi. Thanh tịnh hiện khắp, thông tỏ, tùy thuận. Vô tướng hiện bày, bỉ thử không phân. Tĩnh lặng, trong lành, giải thoát, không sinh. Đạt được tự tại, gốc mọi mẫu mực. An định như núi, gánh vác đủ lực. Hóa độ chúng sinh, đạt đến cứu cánh. Hình tướng rạng rỡ. Tạo nhân tu tập. Hướng cầu vô tận. Lìa mọi nơi chốn. Đức hạnh dốc tu. Lành thay hành hóa.

Chấp ngã như thế bủa vây tự tánh. Lìa bỏ chân thật, chẳng cầu bố thí. Nhân thắng thân tâm, căn bản sinh khởi. Lời vua khen ngợi. Là chốn vương giả gánh vác bình đẳng. Thông tỏ tận cùng tất cả sự thật. Dòng thác các pháp điên đảo chẳng còn. Giáo hóa tận cùng, sạch mọi vọng tưởng.

Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi sáu.

Chúng sinh sân hận, lưu chuyển xa lìa. Đó là thấu đạt lời Bồ-tát dạy.

Hạnh thắng an lành, trí tuệ thông tỏ. Tự tánh các loài (đều) theo lẽ báo ứng. Lực dụng công năng gốc rễ lắm thứ. Các bậc hữu học đều dựa cõi nhân. Thân tâm thanh tịnh là gốc (của) tự tánh. Thọ dụng theo nghiệp, quả báo nhiều loại. Thắng hạnh phát khởi, tu thí viên mãn. Tự tánh trong lành, lực dụng thấu đạt. Cõi tánh nhiều loài, căn bản (là) Thánh chúng. Phật pháp tịnh diệu, hướng đạt phạm hạnh. Diệu dụng bố thí, xứ sở tự tại. Hý luận phát sinh, thiện tịnh dứt trừ. Phép tắc căn bản, thanh tịnh trùm khắp. Phiền não hý luận, thuận hợp hiện bày. Nhân thắng tận cùng (là) thắng nghĩa hiện rõ. Cõi rễ tĩnh trụ tồn tại như (cõi) không. Lực dụng thật ấy, tự tại bất thoái. Thánh chúng hòa hợp tận cùng như mây. Tạo tác trọn đủ, ngã mạn chẳng dấy. Tạo nhân vô tướng, nhận quả thù thắng. Điên đảo, nhiễm, mạn, thày đều chẳng sinh. Phước báo tự tại, hương thơm bay khắp. Tịch tĩnh như (cõi) không, đúng nghĩa giải thoát. Hóa độ căn bản, thành tựu phước đức. Biến hóa tự tại. An lạc như vậy.

Thế nào là thông tỏ thắng dụng (của) nhân thiện?

Làng xóm, nơi chốn, khắp chỗ hướng cầu. Thày đều dứt chướng, tăng trưởng như (cõi) không. Thắng nghĩa bất thoái, thâm diệu khó đạt. Là cõi Bồ-tát hành hóa dài lâu. Thuận theo Thập thiện, tự tánh hiện bày. Gốc rễ tự tánh, phiền não chẳng sinh. Ngã kiến, chấp trước, nhiễm chướng tự khởi. Quả báo theo hình thể không lìa bỏ. Cũng lại là nơi tâm ấy tu tập. Dẫn dạy tịch tĩnh, hình tướng viên tịnh. Dung mạo đoan chính, lực dụng lớn lao. Phước báo thọ nhận tăng thêm không giảm. Nghiệp thiện phát huy, hương thơm bay xa. Phát sinh bố thí bình đẳng viên mãn. Dốc tu tịnh diệu, thắng nghĩa khế hợp. Thuận theo quá khứ, nhân mạn chẳng sinh. Thấu đạt thù thắng, lìa xa ngu muội. Bỉ thử chân thật (là) thắng nghĩa thiện tịnh. Tu thí vô ngã, gốc mọi hình tướng. Tạo tác oán đối, thắng định chẳng sinh. Xa lìa tranh, nhiễm, (đạt) bình đẳng trang nghiêm. Bất sinh gồm đủ. Nhân gốc hý luận. Tịch nhiên hiện bày. Giới đức như vậy, an tĩnh hòa hợp. Nhân phần tạo tranh, nghiêm túc lìa bỏ. Tâm tịnh phát khởi, hợp phần khắp cõi. Tự tánh chân thật, rốt ráo tận cùng. Hình tướng dốc tu, thân thể nhận báo. Tướng nhân biến động, bạo lực sinh khởi. Rõ ràng trong sáng, báo ứng trọn đủ. Tu tập tăng thêm, tịnh diệu đáng quý. Trong lành, tươi đẹp, chẳng hề giảm bớt. Mong đạt tự tại, dốc tu bố thí. Sắc tướng không tỏ, thật nhân trí tuệ. Là cõi có vua, quả báo hợp ý. Nơi chốn trang nghiêm, thanh tịnh tự tại. Thấu suốt cõi xa như mắt cùng nhìn. Mong đạt phép tắc, thuận hợp chân thật. Sắc tướng hướng tới, tạo nghiệp thích hợp. Ứng báo từ xưa, thành tựu hiện tại. Bỉ ngã chuyển đổi, tham si tự dứt. Là chốn trí giải tự thân đạt được. Thông tỏ hữu vô, sinh tâm bất thoái. Tự tại tu thí, dứt bỏ

tham buộc. Phiền não như dòng (nước) xói mòn cuộc sống. Tự tha giáo hóa như phép tắc vua. Nhận thức thấu suốt thấy đều đúng thực. Nơi chốn tịch tĩnh, tuệ giác tỏ ngộ. Ngôn ngữ lan rộng, lực dụng phát sinh. Bĩ thử tuy xa như cùng đối mặt. Nơi chốn tùy thuận lâu bền, trọn vẹn. Thân thể thù thắng diệt sạch đảo điên. Tu tập thông suốt, tĩnh trụ hiện bày. Bờ giác rõ ràng thâm diệu, tĩnh lặng. Dứt trừ tham ái, phát khởi bất thoái. Phiền não giảm thiểu, tịnh diệu thêm tỏ. Tự tánh sạch nhiễm, khế hợp hiển hiện. Tỏ ngộ chân thật, lực dụng lớn lao. Tướng nắm uẩn đạt, tùy thuận trọn nên. Dòng thác chuyển đổi, tịch tĩnh phát khởi. Sâu xa vi diệu, vốn không hình tướng. Tự tánh tùy thuận, gốc vốn tĩnh trụ. Vọng tưởng tạo tác câu nhiễm, tai họa. Lực dụng gánh vác rời bỏ phiền não. Nhân tướng chi phần đạt được ung dung. Rõ lẽ tùy thuận, thắng hạnh gắng làm. Hướng cầu lạc chốn, tướng điên đảo sinh. Phiền não như mây phủ trùm tự tánh. Trừ tận tai nạn, tịnh diệu bày rõ. Thập thiện gắng theo (đạt) tự tánh chân thật. Thế gian mạn dấy (nhưng) vương giả tự tại. Vọng tưởng dấy khắp (là) gốc mọi trói buộc. Tu tập thêm tăng, quả báo chuyển đổi. Hương giới thơm lừng, tỏ ngộ viên mãn. Vương giả dung mạo oai nghiêm như thế. Phước báo tốt bậc, thế gian khó sánh. Tự tánh bình đẳng, hành theo Thập thiện. Phước đức viên mãn, vô cùng tôn sùng. Là chốn vương giả phép tắc đều khắp. Thánh lực trên hết cứu độ muôn loài. Trí giải thông tỏ, muôn dân tin cậy. Giáo lệnh bình đẳng, thấy đều an tĩnh. Là (bậc) Đại trượng phu cõi nước quý giá. Là chốn có vua, hành giải gồm đủ. Thánh lực an định, dứt điên đảo, tranh. Đất nước đói nghèo (là) điều chưa từng có. Tam bảo an trụ, gắng sức thi hành. Lực dụng tịnh diệu, thấu đạt khế hợp. Là chốn Bồ-tát căn bản hành hóa. Lực dụng hơn hẳn, tịch tĩnh viên mãn. Cõi ý ung dung dứt mọi trói buộc. Thắng nghĩa phát huy, tịch mặc khắp chốn. Tạo tác thuận hợp, bình đẳng lan khắp. Lực dụng sinh sôi, tịch tĩnh cùng tận. Si độn, hý luận hốt nhiên dứt sạch. Mẹ hiền yên vui chuyển khắp không dừng. Đói khát không còn, thấy được an lạc. Bi nguyện rộng khắp, hướng đạt vô tận. Chấp ngã chẳng sinh, cõi tâm chân thật. Tự tánh ưu việt (là) tự tại tận cùng. Nơi chốn chúng sinh thù thắng, hòa thuận. Trí căn bản ấy chứng “bất khả đắc”. Lực dụng thân tâm tịch tĩnh như (cõi) không. Hình tướng hòa hợp, ngọn nguồn thâm diệu. Là cõi tánh uẩn tích tụ, tạo tác. Điên đảo tận cùng, câu nhiễm hết mực. Tự tánh chúng sinh gốc là tinh tấn. Hình tướng vô ngã, phát sinh như thế. Gánh vác cùng tận, tác dụng hợp nhất. Tĩnh lặng vô ngôn, sạch mọi vương bận. Góc rẽ vô tướng đâu dễ lộ bày. Thuận hợp phát huy mong dứt hý luận. Tướng thân tĩnh trụ. Chi phần thù thắng, vô ngã tự bày. Cõi biến chuyển ấy (bậc) hữu học hướng đạt. Ý dốc tu tập, tai họa dứt hết. Phát sinh dốc tu, tăng trưởng không mất. Hình tướng tạo được (là) nơi chốn tận cùng. Tánh vốn tịch tĩnh, mẫu mực trùm khắp. Nương dựa tịnh diệu, dung mạo trọn nên. Tánh tự thể hiện thâm diệu, không kiêu. Tánh uẩn tích tụ, tăng thêm cùng tận. Ngã mạn choáng hết tạo nên tánh phàm. Dốc hướng tịch tĩnh, mầm thiện phát sinh. Bậc đại hữu tình, tâm tạo an trụ. Tu thí bình đẳng, tịch tĩnh như (cõi) không. Vô tướng tĩnh trụ, dứt mọi kinh sợ. Tĩnh lặng như (cõi) không, xưa nay “vô tướng”. Tự tánh nhớ nghĩ, quy ngưỡng, tôn sùng. Dạy bảo như vậy, hiệp nhất thuận hợp, là chốn mong đạt vật quý xuất hiện. Phật đạo phát huy tận diệt vọng tưởng. Bồ thí chân thật, tĩnh lặng vô tác. Ba thừa quá độ cùng về bến giác. Tự tại chân thật (là) tịch tĩnh “bất sinh”. Sức tướng an nhiên, lực dụng dốc tu. Đêm ngày sáu thời giáo hóa không ngớt. Dứt bỏ phiền não, tâm tu hòa hợp. Thánh trí vương giả xem xét khắp cõi. Sinh linh muôn loài chẳng hề từ bỏ. Tâm sinh giải thoát, lời Phật dạy rõ. Bồ thí không kiêu, cứu cánh tịnh diệu. Trí Phật bình đẳng.

Thế nào là lại sinh vào hàng hữu lậu?

Là xứ có vua cứu giúp nghèo khó. Tham ái trói buộc, tu hạnh cầu niêm. Thân tâm chưa dứt hết mọi điên đảo. Tạo tác như vậy, xứ sở, (thêm) bất ổn. Thấu đạt viên mãn, tu hạnh chân chính. Sắc tướng thượng diệu, oán đối lặng dừng. Ý dứt ngã mạn. Hình bóng của tâm. Tạo nhân dẫn dạy. Tâm vốn bao la. Bàn lành giúp sức. Tự tánh phát sinh. Dạy trao bày rõ. Thắng nghĩa hòa hợp. Xa lìa chấp ngã, là nơi đất nước tu hạnh thanh tịnh. Lực dụng bố thí, tự tại như trời. Dứt mọi hý luận, Thánh lực hiển lộ. Diệu dụng sinh khởi, kiêu mạn tận trừ. Tâm thiện (vốn) khó bày, hướng cầu ắt đạt. Tĩnh trụ hòa hợp, lìa tham, sân, si. Cội rễ thắng nghĩa, sạch hý luận, buộc. Bình đẳng, tự tại, thấu đạt viên mãn. Chấp ngã chẳng sinh, thâm diệu là vậy. Cứu cánh cõi người, vua là tột bậc. Tướng mạo viên mãn (do) nhiều kiếp tu tập. Gốc lời Phật dạy (là) giải thoát chúng sinh. Thọ mạng ngắn dài do ở tạo nghiệp. Chỗ tựa kính tu. Chuyên trì tu tập, bố thí hết mực. Chúng sinh hướng cầu lìa bỏ oán độc. Tu hạnh bố thí, lực dụng thấu đạt. Sắc tướng chân thật, nguyện lực tu trì. Dứt nhân hình tướng, si độn lộ diện. Các loài như vậy trói buộc khó lìa, là chốn Bồ-tát đạt trí chân thật. Dẫn dắt chúng sinh khỏi nạn đói khát. Bố thí tùy thuận, mong đạt giới đức. Hàng dứt hý luận. Đạt được trí giải. Đốc tu hạnh thí, phiền não chẳng sinh. Tạo nhân trí tuệ. Chúng sinh si độn (bị) trói buộc dọc ngang. Phiền não như thế không thể xa lìa. Như vị quốc vương gánh vác đất nước. Pháp lệnh bình đẳng thường không hề bỏ. Muôn loài đầy mạng (phải) chế ngự, nghiêm trị. Từ (bi) trí (tuệ) cùng sinh, thấu đạt thích hợp. Lệnh ban ba lượt, đề ra đúng lúc. Phép tắc nghiêm minh, việc không tái phát. Dứt bỏ nghĩa lợi, mong cầu chẳng sinh. Xa lìa chấp ngã, thân tâm thư thái. Tướng ấy hợp phần, điều lợi tự đạt. Bồ-tát chỉ dạy an tĩnh phát huy. Vương giả như vậy, quyền uy trùm khắp. Sửa trị cõi bờ, khắp chốn theo giúp. Dứt nhân độc hại, thù thắng vô biên. Chấp ngã, niêm diệt, khổ não không sinh. Vọng, niêm, đói khát như thế (là) phải dứt. Ngã mạn đích thực, ái buộc liền có. Phép tắc thông tỏ, cõi bờ ổn định. Hữu tình giữ tâm tĩnh trụ, dứt mạn. Tự tánh tâm định, thân thể sung mãn. Dòng thác phiền não không nơi phát sinh. Ý thiếu cung kính, ngã mạn đầy đầy. Giới hạnh không nghiêm, sợ hãi chẳng dứt. Thông tỏ tự tánh bản lai chân thật. Bố thí hợp phần lâu dài không mất. Tự tánh tu học, hành hạnh bất thoái. Ý khởi tu tập, dưỡng nuôi mầm thiện. Tịch tĩnh, tự tín, gốc của đạo hạnh. Bố thí tự tu xưa nay vô tướng. Tướng uẩn tịnh diệu, hướng cầu khế hợp. Tự tánh giải thoát, ví như đề hồ. Thắng nghĩa bình đẳng, tịch tĩnh là gốc. Xa lìa tranh, niêm, an tĩnh hiện bày. Tài sản vô úy khắp chốn hiển hiện. Phát huy thanh tịnh, chân thật thuận hợp. Chấp ngã không bày, hý luận tự diệt.

Thế nào là tịch tĩnh lìa ngã, ngã pháp?

Như xứ có vua hành hóa tịnh diệu. Biên phương an ổn, cứu giúp bình đẳng. Xứ sở ổn định, muôn loài an lạc. Cội rễ đúng phần, quy kính lời Phật. Xa lìa chấp ngã thành thật trọn đủ. Cội ý thanh tịnh rất ráo như (hư) không. Ý pháp như vậy phát sinh bình đẳng. Đức hạnh vô úy, đốc tu đạt được. Bồ-tát chỉ dạy yêu dưỡng thân thể. Nơi mình dứt sạch hết mọi điên đảo. Xa lìa chấp ngã. Thắng nghĩa tận cùng (là) tướng không bị hoại. Dứt bỏ kiêu mạn, hành giải đầy đủ. Pháp tánh nhân Thánh (là) cội rễ giải thoát. Sân hận đầy khắp, tĩnh – tranh (cãi) không dừng. Thanh tịnh biến khắp năng diệt tham dục. Cõi học tự tin, thông tỏ vô ngã. Tạo tác chân thật lìa xa niêm tạp. Cơm áo sung túc, ngôn ngữ hợp thời. Hình tướng chuyển biến rất ráo như vậy. Mẹ hiền dạy bảo, kìm chế ắt đạt. Dứt hết vọng tưởng, khổ não, lỗi lầm. Diệt trừ phiền não, an lạc gấp bội. Hý luận không còn, thanh tịnh mong đạt. Phước đức tự tại thù thắng vô cùng. Nhiều đời phát sinh tạo nghiệp không tranh. Mọi nẻo si, mạn. (Nhờ) thiên định dứt bỏ. Tạo ra vật dụng cúng dường Tam bảo. Nhân tu Thánh lực, trí tuệ trùm khắp.

